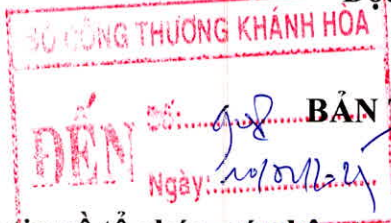


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11/YSKH/2025



Người ký: SỞ CÔNG THƯƠNG
Email: sct@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: UY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Thời gian ký: 10.02.2025
10:09:57 +07:00

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH YẾN SÀO CAM RANH KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa Quý, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0325568988

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 4202008591

Số giấy chứng nhận ISO 22000:2018: HA 707, ngày cấp: 03/01/2025, nơi cấp: Viện Nghiên cứu

Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: YẾN SÁY THĂNG HOA – CANXI KID GROW**

2. Thành phần: Yến sào (80%), đường phèn (8%), chất ổn định (INS 401), chất làm dày (INS 418), L-Lysine (0,01%), vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) (0,01%), taurine (0,01%), chất xơ hòa tan (0,01%), hương liệu tổng hợp: hương yến.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong màng bọc thực phẩm, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

– Quy cách đóng gói: Đóng gói kín

Khối lượng tịnh: 3 g, 5 g, 7 g, 9 g, 10 g, 20 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg hoặc khối lượng khác theo nhu cầu thị trường được ghi rõ trên nhãn sản phẩm

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- Theo tiêu chuẩn sản phẩm số: 11/TCSP-YSKH/2025 đính kèm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan

08597
CÔNG TY
NH
YẾN SÀO
CAM RANH
KHÁNH HÒA
HÀNH

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG: YẾN SẮC THĂNG HOA – CANXI KID GROW

2. Nhà phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY TNHH YẾN SÀO CAM RANH KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa Quý, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0325568988

3. Thành phần cấu tạo: Yến sào (80%), đường phèn (8%), chất ổn định (INS 401), chất làm dày (INS 418), L-Lysine (0,01%), vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) (0,01%), taurine (0,01%), chất xơ hòa tan (0,01%), hương liệu tổng hợp: hương yến.

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (trong 100 g):

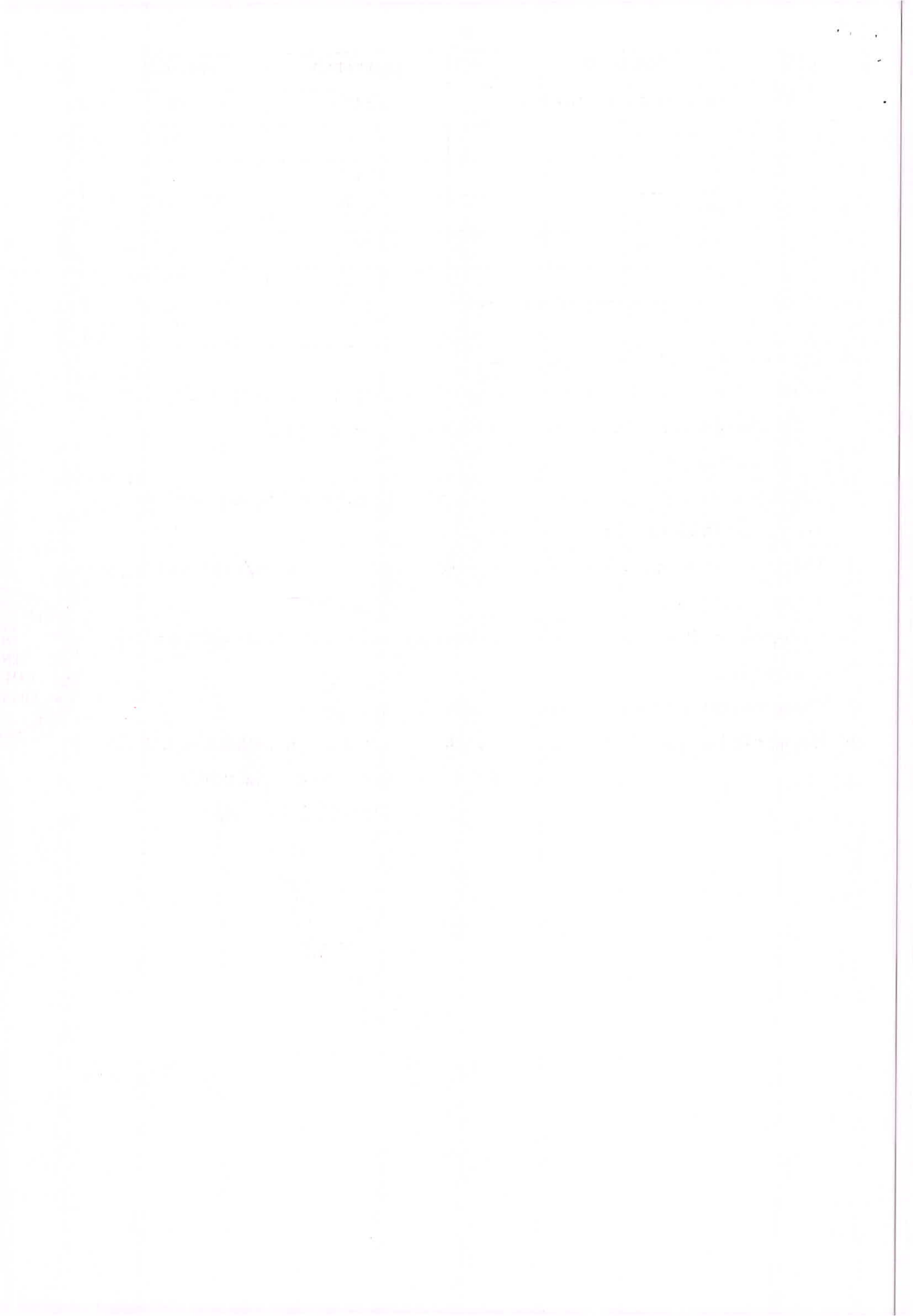
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal	32 – 48
2	Chất đạm	g	≤ 0,5
3	Carbohydrat không bao gồm xơ	g	7,62 – 11,44
4	Đường tổng số	g	7,02 – 10,52
5	Chất béo	g	0
6	Natri	mg	19,3 – 28,9

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1

- Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật:





STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E. coli</i>	CFU/g	3
4	<i>S. aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>B. cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc	CFU/g	10 ²

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong màng bọc thực phẩm, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 3 g, 5 g, 7 g, 9 g, 10 g, 20 g, 50 g, 100 g, 500 g, 1 kg hoặc khối lượng khác theo yêu cầu khách hàng được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

6. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

7. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp hoặc sử dụng 5 g với 60 ml nước ấm, đợi kín để 2-3 phút có thể sử dụng.

8. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn

9. Hướng dẫn bảo quản: Nhiệt độ thường, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

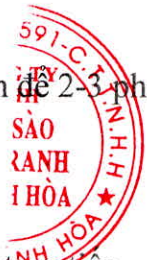
Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan



100

100



Trang/ Page No: 1/3

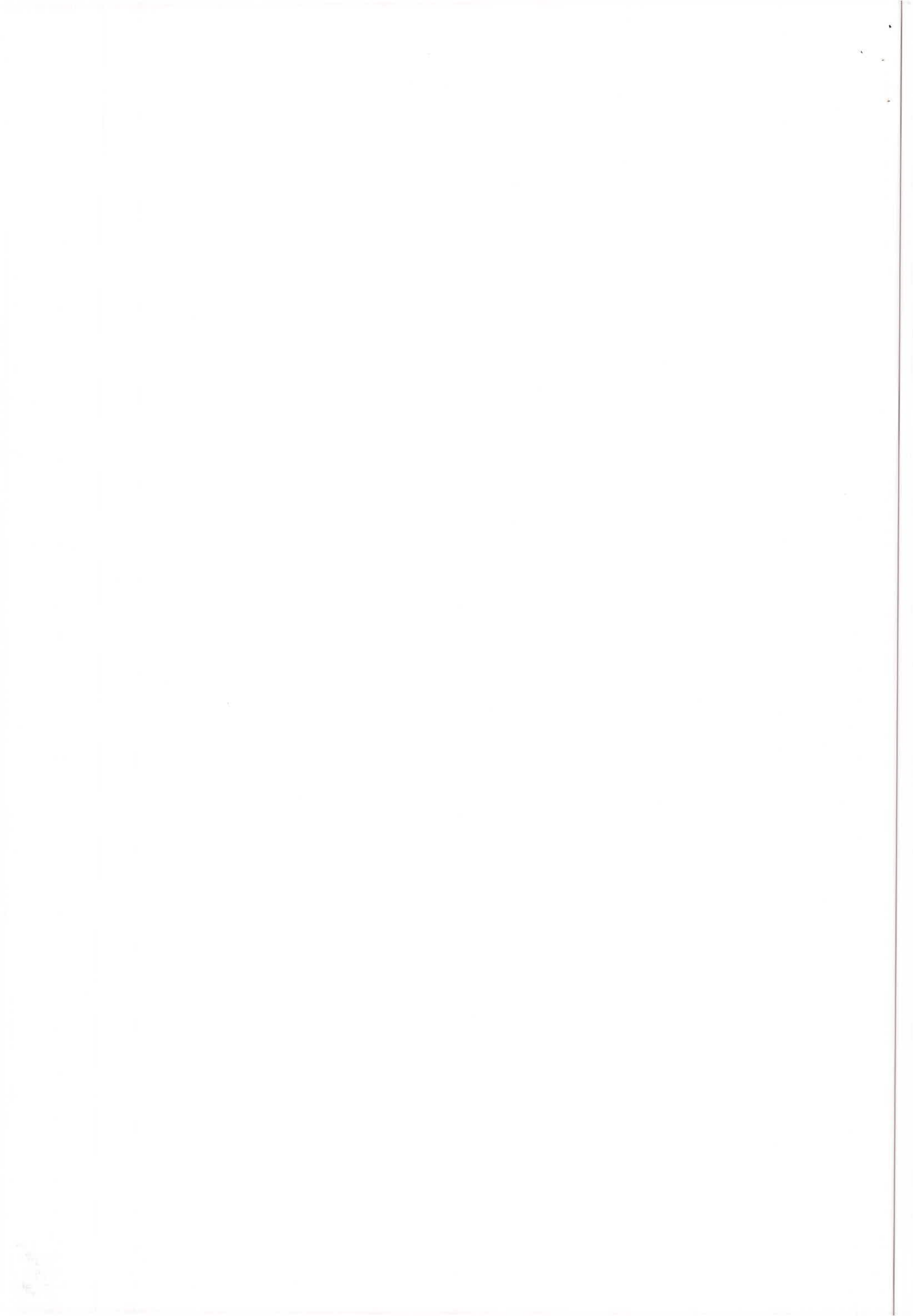
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: EHH3250100282-11

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH YẾN SÀO CAM RANH KHÁNH HÒA
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ dân phố Nghĩa Quý, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 04/01/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 04/01/2025 - 09/01/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/01/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: YẾN SÁY THĂNG HOA – CANXI KID GROW
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	40	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	0.428	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	9.53	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	8.77	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	24.1	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	3.2×10^2	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
8	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
9	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
10	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
11	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
12	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)







KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
14	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

Pom



179206
 GTY CỔ PHẦN
 HỌC CÔNG NGHỆ
 AVATEK
 HỒ HỒ C

